TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1663/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

2. Bà Nguyễn Phát Lợi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Xuân Trường - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2363/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 323/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn T T, sinh năm 1969
Nơi cư trú: 280/70/50 H, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lương Thị N H, sinh năm 1974
Nơi cư trú: 280/70/50 H, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 28 tháng 12 năm 2018 Toà án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, do nguyên đơn ông Nguyễn T T khởi kiện đối với bị đơn bà Lương Thị N H. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn T T trình bày:

Ông Nguyễn T T và bà Lương Thị N H tự nguyên chung sống với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01, ngày 08 tháng 6 năm 2014.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thỉnh thoảng hay cải vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà Lương Thị N H thường xuyên bỏ nhà đi và bà Hằng nhiều lần nạo phá thai con giữa tôi và bà Hằng, đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả và đã có quá trình ly thân kéo dài. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Lương Thị N H để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Nguyễn T T xác định không có con chung;

Về tài sản, nợ chung: Ông Nguyễn T T xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác

Sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Lương Thị N H, đã tống đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Lương Thị N H theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà Lương Thị N H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đến Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

- Việc thụ lý vụ án của Tòa là đúng thẩm quyền. Tòa án ra thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cũng như niêm yết các thủ tục xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật. Tòa án còn vi phạm thời hạn giao thông báo thụ lý vụ án theo quy định tại các Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân thủ pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn, từ khi thụ lý đến phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, mặc dù Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn T T được ly hôn với bà Lương Thị N H; về con chung ông Nguyễn T T xác định không có con chung; Về tài sản, nợ chung ông Nguyễn T T xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc "ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn ông Nguyễn T T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, nên việc Toà án xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lương Thị N H đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên việc Toà án xét xử vắng mặt bà là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

Ông Nguyễn T T và bà Lương Thị N H tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 02, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01, ngày 08 tháng 6 năm 2014 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Ông Nguyễn T T trình bày lý do xin ly hôn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thỉnh thoảng hay cải vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà Lương Thị N H thường xuyên bỏ nhà đi và bà Hằng nhiều lần nạo phá thai con giữa tôi và bà Hằng, đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả và đã có quá trình ly thân kéo dài. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Lương Thị N H để sớm ổn định cuộc sống.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Lương Thị N H, đã tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Lương Thị N H theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà Lương Thị N H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đến Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó bà cũng tự tước bỏ quyền trình bày bảo vệ những yêu cầu của mình tại Tòa, thể hiện việc không còn quan tâm gì đến cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn T T.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn T T xin ly hôn với bà Lương Thị N H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết ly hôn tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, đã nhiều lần phân tích, động viên ông Trực trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc với bà Hằng. Tuy nhiên ông vẫn cương quyết giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với bà Hằng vì tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân giữa ông với bà Hằng đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân hạnh phúc vững bền cần phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, thiện chí của cả hai vợ chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên giữa ông Trực và bà Hằng có nhiều bất hòa trong cuộc sống,

không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai ông bà cũng đã cố gắng hòa giải những bất hòa trong cuộc sống nhưng không thành, dẫn đến việc ông bà sống ly thân kéo dài nhiều năm nay, không ai còn quan tâm lo lắng chăm sóc gì cho nhau, bà Lương Thị N H thường xuyên bỏ nhà đi, điều này thể hiện mâu thuẫn giữa ông Trực và bà Hằng là trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc ông Trực xin ly hôn với bà Hằng là có cơ sở để chấp nhận, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông Nguyễn T T xác định không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản, nợ chung: Ông Nguyễn T T xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về án phí, Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn T T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 266, 271, 273, 278, 280, 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn T T

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T T được ly hôn với bà Lương Thị N H.

- Về con chung: Ông Nguyễn T T xác định không có con chung, nên Tòa án không xét.

- Về tài sản: Ông Nguyễn T T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn T T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0020037 ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, ông Trực đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Thạnh (2);
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- TAND TPHCM;
- Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thức